

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 446/2017/DS-ST
Ngày: 03-8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Ông Vũ Anh Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 604/2016/DSST ngày 22 tháng 11 năm 2016 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 901/2017/QĐXX- DS ngày 20 tháng 6 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 1423/2017/ QĐST- DS ngày 10 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Lâm S, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số 23 đường P, Phường O, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lại Hồng N, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 755/26 đường L, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền số 20509 ngày 01/11/2016)

(Có mặt)

- Bị đơn: Ông Bùi Đình Uyên T, sinh năm 1983 và bà Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1978; Cùng địa chỉ: Số 22 đường P, Phường O, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 11 năm 2016 và trong quá trình xét xử đại diện nguyên đơn ông Lại Hồng N trình bày:

Ngày 27/7/2015, do có quen biết nhau nên ông Lâm S cùng ông Bùi Đình Uyên T và bà Lê Thị Ngọc N viết giấy mượn tiền để ông S cho ông T, bà N vay

số tiền là 500.000.000 đồng, thời hạn là 01 năm kể từ ngày 27/7/2015 đến ngày 27/10/2016 với lãi suất là 1%/tháng. Sau đó, ngày 07/8/2015, hai bên cùng đến Văn phòng công chứng Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm số 010950 để ông T bà N vay của ông S số tiền 500.000.000 đồng với lãi suất là 0,8%/ tháng, thời hạn vay là 03 tháng từ ngày 27/7/2015 đến ngày 27/10/2015.

Thực hiện hợp đồng, ông T, bà N đã nhận đủ tiền vay của ông S và ông T và bà N đã trả cho ông S được 45.000.000 đồng tiền lãi. Do thời hạn cho vay đã hết mà ông T bà N vẫn không trả cho ông S số tiền nợ gốc và tiền lãi theo như các bên đã thỏa thuận trong giấy mượn tiền ngày 27/7/2015 và hợp đồng vay tài sản không có bảo đảm ngày 07/8/2015.

Vì vậy ngày 01/11/2016, ông S khởi kiện yêu cầu ông T bà N phải trả cho ông S số tiền vay là 500.000.000 đồng nợ gốc và số tiền lãi phát sinh còn thiếu tạm tính từ ngày 27/4/2016 đến ngày 27/10/2016 là 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 530.000.000 đồng. Tiền lãi phát sinh tiếp tục tính từ ngày 27/10/2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm.

Ngày 17/4/2017, đại diện theo ủy quyền của ông Lâm S có bản tự khai yêu cầu tính tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm số 010950 ngày 07/8/2015 là 0,8% / tháng đối với số tiền gốc 500.000.000 đồng kể từ ngày 07/8/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/8/2017) là 02 năm x 500.000.000 đồng x 0,8%/ tháng = 96.000.000 đồng, tuy nhiên do chưa đủ 02 năm nên ông N chỉ yêu cầu ông T bà N trả cho ông S số tiền lãi là 90.000.000 đồng và ông T bà N đã trả ông S được 45.000.000 đồng còn lại là 45.000.000 đồng. Tổng cộng ông N yêu cầu ông T, bà N phải trả cho ông S số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm cả gốc và lãi là 545.000.000 đồng, phương thức thanh toán trả một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày nguyên đơn có đơn thi hành án nếu bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc nêu trên thì bị đơn phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và triệu tập ông T bà N đến Tòa án để lấy lời khai nhưng chỉ có bà N đến làm bản tự khai còn ông T không đến.

Tại bản tự khai ngày 15/12/2016 bị đơn bà Lê Thị Ngọc N có trình bày như sau:

Ngày 27/7/2015 bà và chồng bà là ông Bùi Đình Uyên T có vay của ông Lâm S số tiền là 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, từ ngày 27/7/2015 đến ngày 27/7/2016, việc vay mượn có lập giấy vay mượn tiền.

Kể từ khi vay cho đến nay, vợ chồng bà có trả cho ông S 45.000.000 đồng tiền lãi. Đến tháng 5 năm 2016 thì chưa trả lãi cho đến nay.

Nay ông S khởi kiện vợ chồng bà, yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc và lãi, bà N yêu cầu trả tiền lãi vào ngày 27/12/2016 với số tiền là 40.000.000 đồng tính đến tháng 12/2016. Số tiền nợ gốc sẽ thanh toán vào tháng 03 năm 2017 vì trong quá trình làm ăn bà gặp khó khăn, nên vợ chồng bà sẽ thanh toán số nợ trên bằng tiền ông, bà bán đất.

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Bùi Đình Uyên T và bà Lê Thị Ngọc N tại địa chỉ số 22 đường P, Phường O, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên chỉ có bà N hiện đang cư ngụ tại đây còn ông T không còn cư ngụ tại địa chỉ trên và chuyển đi đâu không rõ. Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ nơi cư ngụ mới của ông T, tuy nhiên ông T chuyển đi ở nơi khác không thông báo cho Nguyên đơn, vì vậy đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn yêu cầu Tòa án niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng của ông Thái tại địa chỉ chỉ số 22 đường P, Phường O, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, để xét xử vắng mặt ông T.

Tòa án cũng đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ: Năm sinh và địa chỉ của 04 người làm chứng để Tòa án lấy lời khai tuy nhiên nguyên đơn và đại diện nguyên đơn không cung cấp được vì lý do 04 người làm chứng này đã đi làm ăn xa và nguyên đơn không liên hệ được. Do đó Tòa án không biết địa chỉ của những người làm chứng để lấy lời khai và tổng đạt văn bản tố tụng khác của Tòa án.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt hợp lệ cho ông T, bà N nhưng ông T bà N không đến, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông T bà N hợp lệ theo quy định pháp luật vì vậy Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện ủy quyền của Nguyên đơn ông Lại Hồng N vẫn giữ yêu cầu buộc ông Bùi Đình Uyên T và bà Lê Thị Ngọc N phải trả số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi còn thiếu từ ngày 07/8/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là 45.000.000 đồng. Tổng cộng là 545.000.000(Năm trăm bốn mươi lăm triệu) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày nguyên đơn có đơn thi hành án nếu bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc nêu trên thì bị đơn phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

Ông T bà N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Bùi Đình Uyên T và bà Lê Thị Ngọc N phải trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho ông Lâm Sơn số tiền gốc và lãi là 545.000.000 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/7/2017), trong đó:

- Nợ gốc: 500.000.000 đồng.
- Nợ lãi còn thiếu là: 45.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn thi hành án nếu bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc nêu trên thì bị đơn phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn ông Lâm S khởi kiện bị đơn ông Bùi Đình Uyên T và bà Lê Thị Ngọc N về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm số 010950 do Văn phòng công chứng Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực ngày 07/8/2015. Bị đơn bà Lê Thị Ngọc N và ông Bùi Đình Uyên T có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ: Số 22 đường P, Phường O, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng : Bị đơn ông Bùi Đình Uyên T và bà Lê Thị Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm số 010950 ngày 07/8/2015 lập tại Văn phòng công chứng Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy bà N và ông T có ký vay của ông S số tiền 500.000.000 đồng với lãi suất là 0,8%/ tháng. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 27/7/2015 và bản tự khai ngày 15/12/2016 của bà Lê Thị Ngọc N thì bà N đã thừa nhận bà và ông T có vay của ông S số tiền 500.000.000 đồng. Ông T bà N đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ theo như hợp đồng đã ký kết vì vậy căn cứ vào Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Do đó buộc ông T bà N phải trả số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng cho ông S là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi:

Căn cứ bản tự khai ngày 17/4/2017, đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Lại Hồng N yêu cầu ông T và bà N trả cho ông S tiền lãi tính từ ngày 07/8/2015 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 03/8/2017) trên số nợ gốc là 500.000.000 đồng với lãi suất theo hợp đồng là 0,8%/ tháng là 24 tháng x 0,8% x 500.000.000 đồng = 96.000.000 đồng. Tuy nhiên thời gian vay từ ngày 07/8/2015 đến ngày 03/8/2017 chưa đủ 24 tháng vì vậy ông N yêu cầu ông T, bà N chỉ trả cho ông S 90.000.000 đồng tiền lãi . Ông T và bà N đã thanh toán được 45.000.000 đồng cho ông Lâm S vì vậy ông N yêu cầu ông T, bà N còn phải trả cho ông Lâm S 45.000.000 đồng tiền lãi. Căn cứ vào khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại vay tương ứng. Ông S thỏa thuận cho bà N và ông T vay theo hợp đồng lãi suất là 0,8%/ tháng tương đương 9,6%/ năm mặt khác ông T và bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và việc ông S khởi kiện bị đơn nằm trong thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với hợp đồng vay tài sản được quy định tại điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005 và cũng phù hợp với khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 2174/QĐ-NHNN ngày 28/10/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam áp dụng mức lãi suất cho vay ngắn hạn là 8%. Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật và việc nguyên đơn giảm một phần tiền lãi theo hướng có lợi cho bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 45.000.000 đồng là có cơ sở .

Như vậy tổng cộng ông T, bà N phải có trách nhiệm trả cho ông S số tiền gốc và lãi tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 545.000.000 đồng.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 545.000.000 đồng một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ: Đại diện nguyên đơn yêu cầu kể từ ngày ông S có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T và bà N không trả số tiền nợ gốc trên thì ông T, bà N phải chịu thêm phần tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy đây là yêu cầu chính đáng của nguyên đơn để tính tiền lãi phát sinh nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 là có lợi cho bị đơn do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm S.

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ

nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả 12.600.000 đồng tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 545.000.000 đồng. Do đó bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.800.000 (Hai mươi lăm triệu tám trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 305, Điều 471, Điều 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Bùi Đình Uyên T và bà Lê Thị Ngọc N có trách nhiệm trả cho ông Lâm S số tiền 545.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi bảy triệu đồng), trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng; nợ lãi là 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Lâm S có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Bùi Đình Uyên T và bà Lê Thị Ngọc N không trả số tiền nợ gốc trên thì hàng tháng ông T, bà N phải chịu thêm phần tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Bùi Đình Uyên T và bà Lê Thị Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.800.000 đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm ngàn đồng).

Hoàn lại 12.600.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm ngàn đồng) tiền tạm nộp án phí cho ông Lâm S theo biên lai thu số AA/2016/0017340 ngày 22/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt niêm yết hợp lệ tại địa phương.

Nơi nhận :

- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)